|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

DỰ THẢO

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều**

**của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 11/7/2017 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2017 và Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/08/2017 về phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ Đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Trong thời gian qua, Quốc hội đã ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung nhiều đạo luật quan trọng nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, trong đó có Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Các đạo luật này đã góp phần xóa bỏ rào cản về đầu tư, kinh doanh không phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

Đặc biệt, Luật Doanh nghiệp đã bãi bỏ một số yêu cầu, điều kiện tại thời điểm thành lập doanh nghiệp để từng bước chuyển đổi phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; bãi bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước; tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động trong quá trình hoạt động kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

Bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn hơn hai năm thi hành Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa một số quy định của các luật này bởi những lý do sau đây:

*Một là,* theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư, Quốc hội giao Chính phủ, căn cứ điều kiện phát triển kinh tế, xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, tiến hành rà soát ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các Điều 6, 7 của Luật này theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Do vậy, việc tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục nhằm xóa bỏ rào cản trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho việc gia nhập thị trường của người dân và doanh nghiệp.

*Hai là,* Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp có quy mô và mức độ cải cách lớn trong nhiều ngành, lĩnh vực và được triển khai trong bối cảnh một số luật khác được ban hành theo cách tiếp cận khác nhau nên quá trình thực hiện đã không tránh khỏi một số vướng mắc phát sinh từ sự thiếu đồng bộ về phạm vi điều chỉnh giữa các Luật liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

Thực tế cho thấy, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Bảo vệ môi trường và một số luật chuyên ngành khác…cũng điều chỉnh hoạt động đầu tư với phạm vi và mức độ khác nhau, nhưng chưa có sự phân định rõ ràng về phạm vi điều chỉnh, dẫn đến khó khăn trong việc phân định hoạt động đầu tư được điều chỉnh theo quy định của Luật Đầu tư và hoạt động đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật nêu trên.

*Ba là,* mặc dù đã có nhiều cải cách theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhưng một số quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp còn thiếu cụ thể, chưa thật sự bảo đảm tính khả thi, cụ thể là:

- Luật Đầu tư chưa quy định cụ thể về khái niệm, mục đích, giá trị pháp lý, phạm vi áp dụng của thủ tục quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với từng hình thức đầu tư và nguồn vốn sử dụng, đồng thời chưa phân định rõ thủ tục quyết định chủ trương đầu tư với thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tương ứng của Luật Đất đai và Luật Đấu thầu. Luật cũng chưa có quy định hợp lý về phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh.

- Quy định của Luật Đầu tư về hình thức đầu tư, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, thủ tục góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và thủ tục triển khai dự án đầu tư (như điều chỉnh, tạm ngừng, giãn tiến độ, chấm dứt dự án đầu tư…) còn một số nội dung thiếu cụ thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Luật Đầu tư chưa làm rõ mục đích, giá trị pháp lý của việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cũng như thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và quản lý hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài. Hình thức đầu tư ra nước ngoài chưa thật sự phù hợp với thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam.

- Quy định của Luật Doanh nghiệp về việc áp dụng luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục thành lập doanh nghiệp dẫn đến phân tán đầu mối đăng ký thành lập doanh nghiệp, chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi có yêu cầu thay đổi hoạt động kinh doanh. Một số quy định về quản trị doanh nghiệp còn thiếu linh hoạt.

*(Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo rà soát các quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp trình bày chi tiết những hạn chế nêu trên).*

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

**1. Mục tiêu, quan điểm:**

Mục tiêu tổng quát của xây dựng Dự án Luật này là nhằm tiếp tục tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng, an toàn và thân thiện cho mọi người dân, doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh.

Những mục tiêu cụ thể Dự án Luật này gồm:

*Một là,* hoàn thiện các quy định của Luật Đầu tư về cơ chế kiểm soát ban hành quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời tiếp tục cắt giảm ngành, nghề và điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý nhằm tạo thuận lợi cho việc gia nhập thị trường của người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm.

*Hai là,* tiếp tục giải quyết những khó khăn trong hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp, đặc biệt là những vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục đầu tư nhằm tạo điều kiện để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư với thủ tục đơn giản hơn và chi phí thấp hơn.

*Ba là,* hoàn thiện các quy định về triển khai dự án đầu tư cũng như cơ chế phân cấp giữa các cơ quan trung ương và cơ quan địa phương trên cơ sở đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh.

*Bốn là,* hoàn thiện các quy định của Luật Doanh nghiệp về thủ tục đăng ký doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp nhằm bảo đảm tính thống nhất về thủ tục đăng ký doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho hoạt động quản trị doanh nghiệp, bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.

**2. Yêu cầu xây dựng Luật:**

- Bảo đảm thi hành đầy đủ và nhất quán những cải cách của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, khả thi và hiệu quả trong việc thực hiện các quy định của Luật Đầu tư và các luật có liên quan đến đầu tư, kinh doanh, đặc biệt là các luật về đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, môi trường, chuyển giao công nghệ.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT**

Để thực hiện các mục tiêu, quan điểm và yêu cầu nêu trên, Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp, tập trung vào 05 nhóm quy định chủ yếu sau đây:

- Nhóm 1: Các quy định về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng luật và điều ước quốc tế có liên quan;

- Nhóm 2: Các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh;

- Nhóm 3: Các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và bảo đảm đầu tư;

- Nhóm 4: Các quy định thủ tục và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài;

- Nhóm 5: Các quy định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Chính sách 1:**

Hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đầu tư và các Luật có liên quan.

**1.1. Mục tiêu của chính sách:**

Bảo đảm tính minh bạch, khả thi và thống nhất của hệ thống pháp luật về đầu tư kinh doanh.

**1.2. Nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách:**

1.2.1. Sửa đổi Điều 1 để quy định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư theo hướng loại trừ các hoạt động đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật khác, gồm: Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

1.2.2. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 của Luật Đầu tư để cụ thể hóa nguyên tắc áp dụng Luật Đầu tư và các luật liên quan trên cơ sở phân định rõ hoạt động đầu tư được điều chỉnh theo Luật này, các luật liên quan đến đầu tư và các luật điều chỉnh hoạt động đầu tư đặc thù, gồm hoạt động đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, dầu khí và hàng không.

**2. Chính sách 2:**

Hoàn thiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

**2.1. Mục tiêu của chính sách:**

- Nâng cao tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả của việc áp dụng các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm.

- Tiếp tục cắt giảm một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết, thiếu tính khả thi nhằm xóa bỏ rào cản gia nhập thị trường, giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp.

**2.2. Nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện:**

2.2.1. Sửa đổi các khái niệm “đầu tư kinh doanh”, bổ sung khái niệm "kinh doanh", luật hóa khái niệm “điều kiện đầu tư kinh doanh” và “điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” để làm rõ hơn nội hàm của các khái niệm này, phân định rõ sự khác nhau giữa điều kiện đầu tư kinh doanh áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế và điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế liên quan đến đầu tư.

2.2.2. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 để làm rõ tiêu chí, nội hàm của “ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện” và bổ sung quy định:

- Giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

- Giao Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong một số ngành, nghề và địa bàn nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên và môi trường...

2.2.3. Bãi bỏ 21 ngành, nghề không đáp ứng yêu cầu đặt ra vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư, bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ xoa bóp;

- Kinh doanh dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại;

- Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ;

- Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LGP);

- Xuất khẩu gạo;

- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh;

- Nhượng quyền thương mại;

- Kinh doanh dịch vụ Logistic;

- Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển;

- Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản;

- Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư

- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;

- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng;

- Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện

- Kinh doanh sản phẩm amiăng trắng thuộc nhóm Serpetine

- Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì;

- Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy;

- Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim;

- Kinh doanh dịch vụ lữ hành;

- Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu;

- Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng.

*(Giải trình chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

2.2.4. Bổ sung 02 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để thống nhất với Luật Lâm nghiệp và Luật Thủy sản, gồm:

- Tư vấn lập quy hoạch lâm nghiệp;

- Đăng kiểm tàu cá.

**3. Chính sách 3:**

Hoàn thiện các quy định của Luật Đầu tư về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, bảo đảm đầu tư.

**3.1. Mục tiêu của chính sách**

Nâng cao sức hấp dẫn, cạnh tranh của môi trường đầu tư, kinh doanh và đồng bộ hóa chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và luật chuyên ngành.

**3.2. Nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách**

3.2.1. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 13 theo hướng bổ sung nguyên tắc không hồi tố về điều kiện đầu tư trong trường hợp pháp luật, chính sách thay đổi làm ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện đầu tư để tuân thủ đầy đủ cam kết của Việt Nam theo quy định của WTO và một số hiệp định thương mại tự do.

3.2.2. Sửa đổi Khoản 4 Điều 15 để loại bỏ dự án nhà ở thương mại ra khỏi đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo tiêu chí địa bàn và quy mô vốn nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về thuế.

3.3.3. Sửa đổi Điểm i Khoản 1 Điều 16 để bổ sung giáo dục đại học vào Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về giáo dục đại học.

**4. Chính sách 4:**

Hoàn thiện các quy định về thủ tục đầu tư, kinh doanh.

**4.1. Mục tiêu của chính sách:**

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh, giảm thời gian và chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp.

**4.2. Nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách:**

4.2.1. Bổ sung Điều 32a để làm rõ khái niệm, mục đích và bản chất của chủ trương đầu tư, đồng thời sửa đổi các quy định về hồ sơ, nội dung thẩm định, nội dung quyết định chủ trương đầu tư tại Điều 33 Luật Đầu tư.

4.2.2. Bổ sung Điều 35a để quy định cụ thể về các trường hợp điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

4.2.3. Sửa đổi Điều 31 để cụ thể hóa tiêu chí xác định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; bãi bỏ quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ trở lên; bổ sung thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thực hiện tại địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban Quản lý KCN, KCX, KCNC, KKT quyết định chủ trương đầu tư đối với một số dự án phù hợp với quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt.

4.2.4. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 để quy định rõ phạm vi dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; bổ sung thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong một số địa bàn; phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án do hộ gia đình, cá nhân thực hiện.

4.2.5. Sửa đổi khoản 1 Điều 37 theo hướng quy định rõ quyết định chủ trương là một bước do các cơ quan quản lý thực hiện trong quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bổ sung quy định cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư đã được quyết định chủ trương đầu tư không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.

4.2.6. Sửa đổi quy định tại Điều 26 nhằm kiểm soát chặt chẽ việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp sử dụng đất ở các đảo, xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển.

4.2.7. Bãi bỏ thủ tục đăng ký trong trường hợp việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp.

4.2.8. Sửa đổi điểm b Khoản 2 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 33, điểm b Khoản 1 Điều 55, Điểm b Khoản 2 Điều 59, Điểm b Khoản 2 Điều 61 Luật Đầu tư theo hướng bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là “Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân” trong trường hợp có số định danh cá nhân để thống nhất với quy định tương ứng của Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch.

4.2.9. Bổ sung quy định về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo hướng bãi bỏ một số điều kiện, yêu cầu trong giai đoạn xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để thay thế bằng việc công bố công khai các điều kiện, tiêu chí, biểu mẫu để nhà đầu tư đăng ký thực hiện và cơ quan quản lý tiến hành hậu kiểm.

**5. Chính sách 5:**

Hoàn thiện quy định về hình thức đầu tư, thủ tục đầu tư ra nước ngoài và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

**5.1. Mục tiêu của chính sách:**

- Xác định rõ mục đích, nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

- Đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

**5.2. Nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách:**

5.2.1. Đổi mới phương thức quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hướng bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và thay bằng quy định nhà đầu tư đăng ký vốn đầu tư ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối.

5.2.2. Sửa đổi, bổ sung các Điều 55, 61 và 66 để phân định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư với thẩm quyền quyết định đầu tư theo Luật quản lý, sử dụng vốn đầu tư tại doanh nghiệp và đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

**6. Chính sách 6:**

Hoàn thiện các quy định về đăng ký doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp.

**6.1. Mục tiêu của chính sách**

- Thống nhất thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phân định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

- Nâng cao tính minh bạch, khả thi trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp.

**6.2. Nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách**

6.2.1. Sửa đổi Điều 3 Luật Doanh nghiệp để thực hiện thống nhất thủ tục đăng ký doanh nghiệp, thông tin doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nhằm khắc phục tình trạng phân tán đầu mối đăng ký thành lập doanh nghiệp, tách bạch giữa quản lý đăng ký doanh nghiệp và quản lý chuyên ngành. Theo đó, trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc tổ chức, quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó.

6.2.2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 48, Khoản 2 Điều 74 và Khoản 1 Điều 112 Luật Doanh nghiệp theo hướng thay đổi thời hạn góp vốn điều lệ khi thành lập doanh nghiệp từ 90 ngày thành 36 tháng để bảo đảm tính khả thi, đủ thời gian cần thiết cho thành viên, cổ đông góp vốn điều lệ, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn điều lệ lớn.

6.2.3. Sửa đổi các quy định liên quan đến tổ chức, hoạt động, quản trị doanh nghiệp (các Điều 146, 154, 163, 164) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản trị của các doanh nghiệp.

6.2.4. Sửa đổi các Điều 20, 21, 22, 23, 29 và 46 Luật Doanh nghiệp theo hướng bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là *“Bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác*” trong trường hợp có số định danh cá nhân để thống nhất với quy định của Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch.

6.2.5. Sửa đổi Khoản 8 và Khoản 9 Điều 24 Luật Doanh nghiệp theo hướng bãi bỏ quy định về *“địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác*" để thống nhất với quy định của Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT**

Các nội dung của dự án Luật này chủ yếu sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thủ tục hành chính theo hướng bỏ một số thủ tục bất hợp lý, không cần thiết, đơn giản hóa một số giấy tờ, thủ tục và sửa đổi, bổ sung một số quy định của uật để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

Do vậy, để bảo đảm triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua, về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA**

Dự án Luật dự kiến trình Quốc hội khoá XIV xem xét cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2018) theo quy trình một kỳ họp và soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn.

**VII. MỘT SỐ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

**1. Về bãi bỏ một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Trên cơ sở kết quả rà soát về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất bãi bỏ 21 ngành, nghề.

Về vấn đề này, đề nghị Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục trao đổi, thống nhất với các Bộ, ngành về việc sửa đổi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong quá trình soạn thảo, hoàn thiện Dự án Luật này.

**2. Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Điều 31 Luật Đầu tư)**

Có ý kiến đề nghị không phân cấp cho Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với tất cả các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư vì các dự án này đều là dự án quan trọng, nhạy cảm, có tính chất liên ngành, liên vùng cần có sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Thay vào đó, chỉ xem xét phân cấp một số dự án sau đây:

- Dự án phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Dự án xây dựng và kinh doanh sân golf (Tùy thuộc quy mô và địa điểm thực hiện dự án);

- Dự án sản xuất thuốc lá điếu.

- Các dự án đã phân cấp cho Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh theo quy định của pháp luật chuyên ngành, gồm: kinh doanh vận tải hàng không, dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực: kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài, kinh doanh vận tải biển.

Ý kiến khác đề nghị phân cấp toàn bộ các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ tương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư cho các Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh để Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ tập trung vào công tác chỉ đạo, điều hành và không xem xét, quyết định các dự án đầu tư cụ thể.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thực hiện theo loại ý kiến thứ nhất nêu trên.

**3. Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài**

Dự thảo Luật đã đổi mới cơ chế quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hướng bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và thay bằng cơ chế đăng ký hoạt động chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối.

Ý kiến khác cho rằng, việc bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài là chưa phù hợp với điều kiện quản lý của Việt Nam, gây khó khăn trong cân đối vĩ mô và kiểm soát dòng vốn đầu tư ra nước ngoài. Mặt khác, việc áp dụng chế độ đăng ký chuyển tiền ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối cần được cân nhắc bởi cơ quan này không có thẩm quyền quản lý hoạt động đầu tư.

Về vấn đề này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin giải trình như sau:

*- Một là,* việc bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài không phải là giải pháp nhằm tự do hóa dòng vốn đầu tư ra nước ngoài, đồng thời cũng không đồng nghĩa với việc từ bỏ hay nới lỏng quản lý nhà nước đối với hoạt động này mà chỉ nhằm thay đổi phương thức quản lý nhà nước từ chế độ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sang chế độ quản lý, sử dụng dòng vốn đầu tư ra nước ngoài trên cơ sở phân định rõ trách nhiệm của nhà đầu tư và trách nhiệm của từng cơ quan quản lý chuyên ngành. Cụ thể, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước (đối với dự án sử dụng vốn nhà nước) và người có thẩm quyền của doanh nghiệp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp (đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác), quyết định và chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài; cơ quan quản lý ngoại hối chịu trách nhiệm quản lý, kiểm soát nguồn vốn chuyển ra nước ngoài nhằm đảm bảo để nhà đầu tư sử dụng đúng mục đích và tuân thủ quy định của pháp luật ngoại hối. Ngoài ra, theo chức năng, thẩm quyền, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan tham gia quản lý nguồn vốn và tài sản nhà nước chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư.

**-** *Hai là,* Thực tiễn cho thấy, hầu hết các nước trên thế giới đều chỉ thực hiện chế độ kiểm soát dòng tiền chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư và có chính sách cấm, hạn chế chuyển tiền ra nước ngoài trong một số trường hợp nhất định để đảm bảo cân đối vĩ mô cũng như tính hợp pháp của nguồn tiền, mà không quản lý toàn bộ hoạt động đầu tư ở nước ngoài bởi những hoạt động này được thực hiện tại nước tiếp nhận đầu tư và phải tuân thủ pháp luật của nước đó. Luật Đầu tư và Nghị định số 83/2015/NĐ-CP quy định việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài và quản lý hoạt động của dự án với nội dung khá rộng, bao quát toàn bộ hoạt động đầu tư ở nước ngoài (như mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi hoạt động, tổng vốn đầu tư…). Quy định như vậy không rõ ràng về mục tiêu quản lý của nhà nước (tức là quản lý nguồn vốn chuyển ra nước ngoài hay toàn bộ hoạt động của dự án), đồng thời cũng không khả thi bởi các hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải tuân thủ pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư.

*- Ba là,* cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý theo phương án nêu trên, Chính phủ sẽ quy định rõ quyền, nghĩa vụ và tránh nhiệm của nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài. Như vậy, cơ chế mới không làm mất đi công cụ quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài, mà trái lại góp phần củng cố công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động này phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cho nhà đầu tư.

*Tài liệu kèm theo:* Đề cương xây dựng Luật; Báo cáo đánh giá tác động chính sách; Báo cáo rà soát Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và đề xuất phương án hoàn thiện.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ TRƯỞNG** |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - VPCP;  - Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng và TN&MT;  - Các Cục: ĐKKD, ĐTNN; các Vụ: QL KKT, GS TĐĐT, KCHT&ĐT; Viện NC QL KTTW;  - Lưu: VT, PC. | **Nguyễn Chí Dũng** |

**PHỤ LỤC**

**ĐỀ XUẤT BÃI BỎ, BỔ SUNG MỘT SỐ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC 4 LUẬT ĐẦU TƯ**

**I. NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỀ XUẤT BÃI BỎ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành, nghề đề xuất bãi bỏ** | **Mục** | **Lý do, căn cứ** |
|  | Kinh doanh dịch vụ xoa bóp | 8 | Bãi bỏ vì không phù hợp với mục đích quy định về ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện theo Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư và ngành này đã được quản lý bằng điều kiện an ninh, trật tự theo Nghị định 96/2016/NĐ-CP. |
|  | Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại | 17 | Bãi bỏ vì không phù hợp với mục đích quy định về ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện theo Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư, cụ thể như sau:  Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định và áp dụng cho các hoạt động đầu tư kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Luật Doanh nghiệp[[1]](#footnote-1), khoản 5 Điều 3 Luật Đầu tư[[2]](#footnote-2).  Trong khi đó, hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại (Mục 17) không phản ánh bản chất của một ngành, nghề kinh doanh, bởi “Trung tâm trọng tài hoạt động không vì mục đích lợi nhuận” (khoản 2 Điều 27 Luật Trọng tài thương mại). Hơn nữa, đây là cơ quan tài phán, được thành lập với mục đích xét xử. |
|  | Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ | 36 | Về bản chất, mua bán nợ là giao dịch trong đó một khoản nợ (cùng với các quyền và nghĩa vụ gắn với khoản nợ đó) được chuyển từ chủ thể này sang chủ thể khác. “Nợ” – đối tượng của giao dịch này - bao gồm có thể là bất kỳ khoản nợ nào hình thành trong các giao dịch dân sự, thương mại bình thường (các khoản nợ có tính nhạy cảm, của một nhóm đối tượng đặc thù đã thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản khác[[3]](#footnote-3)). Chủ thể của giao dịch mua bán nợ có thể là bất kỳ chủ thể kinh doanh nào (trừ các chủ thể chuyên nghiệp như các tổ chức tín dụng, các công ty chứng khoán…đã được kiểm soát bằng các văn bản pháp luật khác).  Dịch vụ mua bán nợ chỉ là dịch vụ hỗ trợ, thúc đẩy các giao dịch mua bán nợ nói trên. Kết quả của giao dịch mua bán nợ không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ hay khoản nợ, mà chỉ thay đổi chủ thể thực hiện nghĩa vụ đó.  Như vậy, việc thực hiện giao dịch mua bán nợ cũng như kinh doanh dịch vụ mua bán nợ chỉ liên quan tới các chủ thể tham gia; không phù hợp với mục đích quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư 2014.  Hơn nữa, theo quy định của pháp luật dân sự, “nợ” được xem là một loại hàng hóa, được giao dịch trên thị trường (những khoản nợ “đặc thù”, “nhiều nguy cơ” – ví dụ các khoản nợ xấu của các ngân hàng, các tổng công ty nhất định … - đã được điều chỉnh bới các văn bản riêng). Hệ thống pháp luật về dân sự, thương mại liên quan tới hoạt động mua bán hiện tại đã đủ cơ sở pháp lý để điều chỉnh giao dịch mua bán nợ cũng như các giao dịch hỗ trợ mua bán nợ. |
|  | Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LGP) | 43 | Chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG) là sản phẩm chứa đựng nguy cơ gây mất an toàn cho người sử dụng, tác động đến môi trường, cần được kiểm soát. Trên thực tế, chai LPG đã được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật[[4]](#footnote-4). Bất kì chủ thể sản xuất, nhập khẩu, sửa chữa, kiểm định đều phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật này.  Chai chứa LPG muốn lưu thông trên thị trường thì đều phải được kiểm định, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật mà không phụ thuộc vào sản phẩm do ai làm ra, bằng dây chuyền, thiết bị, công nghệ nào.  Do đó, không cần thiết phải quản lý chủ thể sản xuất, sửa chữa chai LPG bằng điều kiện đầu tư kinh doanh. |
|  | Xuất khẩu gạo | 55 | Gạo là hàng hóa liên quan đến an ninh lương thực quốc gia và việc dự trữ gạo để bảo đảm an ninh lương thực đã được quy định tại Luật dự trữ quốc gia.  Ngoài nội dung về dự trữ gạo nêu trên, ngành, nghề xuất khẩu gạo không phù hợp với mục đích quy định về ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện theo Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư.  Đối với yêu cầu về chất lượng mặt hàng gạo xuất khẩu, thực hiện quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn. |
|  | Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh | 57 | Điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề này không rõ về mục tiêu quản lý cũng như sự phù hợp với các mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. |
|  | Nhượng quyền thương mại | 59 | Nhượng quyền thương mại là phương thức kinh doanh và không phải ngành, nghề đầu tư kinh doanh.  Trường hợp nhượng quyền kinh doanh để kinh doanh trong các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì chủ thể thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh phải đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó và không áp dụng đối với bên nhượng quyền. |
|  | Kinh doanh dịch vụ Logistic | 60 | “Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thoả thuận với khách hàng để hưởng thù lao”[[5]](#footnote-5).  Theo quy định trên, dịch vụ logistic bao gồm nhiều hoạt động, liên quan đến nhiều ngành, nghề khác nhau. Trường hợp cần quản lý theo điều kiện đầu tư kinh doanh thì các ngành, nghề đã có quy định cụ thể.  Do đó, bãi bỏ Logistic khỏi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để tránh chồng chéo, trùng lặp về điều kiện đầu tư kinh doanh. |
|  | Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển | 90 | Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. |
|  | Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản | 108 | Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. |
|  | Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư | 109 | Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. |
|  | Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư | 119 | Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. |
|  | Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng | 120 | Ngành này không cần thiết phải quy định điều kiện kinh doanh và có thể quản lý thông qua tiêu chuẩn kỹ thuật khi vận hành cơ sở hỏa táng, các quy định về môi trường. |
|  | Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện | 122 | Hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề này đã được quản lý theo điều kiện về hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài tại ngành, nghề số 115. |
|  | Kinh doanh sản phẩm amiăng trắng thuộc nhóm Serpetine | 123 | Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. |
|  | Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì | 128 | Ngành này không cần thiết phải quy định điều kiện kinh doanh. Nội dung của ấn phẩm in đã được kiểm soát bởi pháp luật về xuất bản – hoạt động do nhà nước độc quyền thực hiện. Theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ sở in không phải là chủ thể chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm đặt in mà là các chủ thuể thuê dịch vụ in, sở hữu sản phẩm cần in. |
|  | Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy | 203 | Không cần thiết quy định ngành này là ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện; thay vào đó có thể quản lý thông qua các quy định về tiêu chuẩn chất lượng đối với mũ bảo hiểm. |
|  | Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim | 206 | Ngành này không cần thiết phải quy định điều kiện kinh doanh vì từng sản phẩm phim đã được kiểm soát trong quá trình sản xuất, lưu hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra, các điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp sản xuất phim cũng không hướng tới mục tiêu quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư |
|  | Kinh doanh dịch vụ lữ hành | 210 | Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu quản lý nhà nước và hoạt động này đã được quản lý theo các điều kiện về trật tự, an toàn xã hội. Do đó, không cần thiết phải quy định ngành, nghề này là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. |
|  | Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu | 212 | Không cần thiết phải quy định điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành này vì cơ chế quản lý đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp và người mẫu là cấp phép cho từng hoạt động. Cơ quan nhà nước sẽ xem xét nội dung cũng như hình thức tổ chức để quyết định cho phép hay không. Như vậy, mỗi khi doanh nghiệp tổ chức hoạt động cụ thể nào sẽ phải thực hiện thủ tục cấp phép cho hoạt động đó. |
|  | Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng | 215 | Bãi bỏ ngành này vì: hoạt động quảng cáo quản lý nội dung từng sản phẩm quảng cáo. Dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng chỉ đơn thuần là việc giới thiệu sản phẩm quảng cáo đã được chấp thuận đến công chúng. |

**II. NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành, nghề đề xuất bổ sung** | **Mục** | **Lý do, căn cứ** |
|  | Tư vo, căn cứề xuất OANH CÓ ĐIỀ | 244 | Để thống nhất với Luật Lâm nghiệp |
|  | Đăng kiểm tàu cá | 245 | Để thống nhất với Luật Thủy sản |

1. “Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi” [↑](#footnote-ref-1)
2. “Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư”; [↑](#footnote-ref-2)
3. Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

   Thông tư 08/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam [↑](#footnote-ref-3)
4. Thông tư 18/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 31/7/2013 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 233 Luật thương mại 2005 [↑](#footnote-ref-5)